

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 14/2024/HS - ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Vương Thị Xuyên**

2. Ông **Nguyễn Công Văn**

- **Thư ký phiên tòa:** Ông **Đặng Văn Tinh** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Lộc Thế Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2024 tại các Phòng xử án trực tuyến (điểm cầu trung tâm: Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang; các điểm cầu thành phần: 1. Phòng xử án trực tuyến Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang; 2. Phòng xử án trực tuyến Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang), xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vừ Mí G** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 25/01/2004 tại: xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn SL A, xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; căn cước công dân số: 002204003796 do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 24/4/2023; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: **Vừ Mí D** (sinh năm 1984) và bà: **Sùng Thị S** (sinh năm 1983); vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án số 05/2023/HS-ST ngày 18/8/2023, ngày 04/10/2023 trở về địa phương, chưa được xóa án tích lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, án tích này là yếu tố định tội.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/5/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- **Người bào chữa cho bị cáo **Vừ Mí G**:** Ông **Nguyễn Minh Hoàng** - Trợ giúp viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- **Bị hại:** Anh **Lầu Mí D1** - Sinh năm 1981; trú tại: Thôn SL A, xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương (Có mặt);

- *Người làm chứng*: 1. Anh **Lầu Mí V** - Sinh năm 1991. (Có mặt); 2. Anh **Vừ Mí P** - Sinh năm 1997. (Vắng mặt không lý do); 3. Chị **Vừ Thị Mỹ** - Sinh năm 1981. (Có mặt); 4. Anh **Vừ Mí D** - Sinh 1984. (Có mặt); 5. Anh **Lầu Mí Thò** - Sinh năm 1987. (Có mặt);

- *Người phiên dịch*: Anh **Sùng Mí Và**; Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 07 giờ 30 phút, ngày 03/3/2024, Vừ Mí G đi chơi và nhìn thấy gia đình anh Lầu Mí D1 trú cùng thôn với G đi làm nương không có ai ở nhà, lúc này G nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của anh D1. Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, G đến nhà anh D1 nhìn thấy cửa chính, cửa phụ khóa, G quan sát xung quanh nhà thấy có khoảng trống phía trên trần nhà, G trèo lên đồng cây ngô được xếp ở góc hiên nhà rồi dùng hai tay bám vào thanh gỗ ngang trên trần trèo lên gác xép. Tiếp đó, G đi từ gác xép vòng sang gian nhà bên phải, xuống cầu thang rồi xuống nền nhà và đi vào gian nhà bên trái. G thấy có một buồng ngủ không có cửa, bên trong có một chiếc giường gỗ. Do buồng tối nên G đã sử dụng một chiếc đèn pin màu đen (*trên đèn có gắn ba dây chun màu đen được G lấy tại vị trí cột gỗ ở gian giữa trong nhà gần bếp lò*) đội lên đầu rồi đi vào bên trong buồng ngủ soi thì thấy một chiếc hòm gỗ (*loại hòm 4 chân*) không có khóa, chỉ có một dây thép gắn vào phần nắp hòm, bên trong hòm có một số quần áo của vợ chồng anh D1 và hai chiếc váy được làm bằng vải lanh, màu trắng xám được cuộn tròn (*loại váy của người dân tộc Mông*). Thấy vậy, G dùng hai tay lấy hai chiếc váy ra khỏi hòm, đồng thời đóng nắp hòm lại và cho hai chiếc váy vào một chiếc bao tải màu trắng - đỏ ở đầu giường gần cầu thang, lấy dây vải màu đen buộc lại, sau đó, G đi cất đèn pin tại vị trí cũ, cầm chiếc bao tải lên cầu thang theo vị trí cũ đi ra bên ngoài nhà anh D1, lúc này vào khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày. Sau đó, Già đi bộ lên đường bê tông liên thôn hướng từ thôn SL A đi sang thôn SL B, xã ST, huyện Đ. Đi được khoảng 100m thì G dừng lại và cất giấu chiếc bao tải màu trắng xuống phía dưới taluy âm, cạnh hòn đá có nhiều cỏ cây che khuất, cách mép đường trái 2,05m, lúc này vào khoảng 08 giờ 40 phút cùng ngày. Khi cất xong, G đi ra nhà anh Lầu Mí V, trú cùng thôn với Già để chơi bi-a. Chơi được khoảng 20 phút thì anh D1 cùng với Lầu Mí P1, Lầu Mí L đều trú cùng thôn với G đến nhà anh V, lúc này P1 hỏi G “*Có được lấy trộm váy của nhà anh D1 không*”, G trả lời “*hai chiếc váy của nhà anh D1 là do G trộm*”. Sau đó, anh D1 đã đến Công an xã ST, huyện Đ tố giác hành vi trộm cắp tài sản của G.

Tại bản kết luận về việc định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 12/KL-HĐĐG ngày 11/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Giá trị tài sản bị cáo trộm cắp là 1.950.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo Vừ Mí G đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Từ căn cứ trên, Cáo trạng số 11/CT-VKSĐV ngày 02 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Vừ Mí G về tội về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Vừ Mí G phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Vừ Mí G từ 09 đến 12 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị hại Lầu Mí D1 không đề nghị bị cáo Vừ Mí G phải bồi thường thiệt hại nên không đề nghị xem xét giải quyết. Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy toàn bộ các vật chứng không có giá trị sử dụng gồm: 01 dây vải; 01 bao tải; áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị hại anh Lầu Mí D1 02 chiếc váy vải lanh. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như đã nêu trong bản cáo trạng. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại; lời khai của những người làm chứng; kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự; biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, đồng thời phù hợp với các biên bản, tài liệu xác định Vừ Mí G có tiền án về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích; biên bản xác minh và các vật chứng, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại là anh Lầu Mí D1 có ý kiến: Nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cho anh tài sản đang bị thu giữ là 02 chiếc váy vải lanh; không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, đồng thời đề nghị xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Minh Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho bị cáo Vừ Mí G có quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đã đề cập đối với bị cáo. Tuy nhiên, do bị cáo thuộc đối tượng người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên đề nghị Hội đồng xét xử cân nhắc áp dụng mức hình phạt thấp nhất theo mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Về trách nhiệm dân sự và án phí và xử lý vật chứng: Nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên pháp lý, không bổ sung lời bào chữa. Khi nói lời sau cùng, bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, chỉ vì ham chơi, lười lao động, thiếu tiền để chi tiêu cho cá nhân, nên khoảng 08 giờ 40 phút ngày 03/3/2024, Vừ Mí G, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu quản lý tài sản lén lút vào nhà anh Lầu Mí D1 trộm cắp tài 02 chiếc váy được làm bằng vải lanh trị giá 1.950.000 đồng, với mục đích đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Mặc dù trị giá tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng trước đó bị cáo đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích, do vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên và có cơ sở để kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo Vừ Mí G về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

...
b) *Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;*

...”

[4] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra.

[5] Xét về nhân thân: Tại bản án số 05/2023/HS-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang, xử phạt Vừ Mí G 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; ngày 04/10/2023, bị cáo chấp hành xong án phạt tù, chưa được xóa án tích, lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Đây cũng chính là yếu tố định tội nên không xác định bị cáo có tiền án.

[6] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai

báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số, nhận thức về pháp luật còn hạn chế, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian nhất định, có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, sống biết tuân thủ pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận và quyết định mức hình phạt theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát và đề nghị của người bào chữa.

[8] Bị cáo có nghề nghiệp làm nương, thu nhập không ổn định; bị cáo sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lầu Mí D1 không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[10] Đối với 02 chiếc váy vải lanh của anh Lầu Mí D1 cần trả lại cho chủ sở hữu theo khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự; đối với 01 dây vải, 01 bao tải là công cụ, phương tiện phạm tội, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[12] Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Vừ Mí G phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vừ Mí G 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt (ngày 21/5/2024).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

3.1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng, gồm:

- 01 dây vải màu đen (đã qua sử dụng);
- 01 bao tải màu trắng - đỏ, trên bao có in chữ “THỨC ĂN CHĂN NUÔI CAO CẤP – A1.5S+” (đã qua sử dụng);

3.2. Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho anh Lầu Mí D1 - Sinh năm 1981; trú tại: Thôn SL A, xã ST, huyện Đ, tỉnh Hà Giang, các tài sản gồm:

- 01 chiếc váy vải lanh màu xám trắng, kiểu dáng váy dân tộc mông kích thước dài 63cm, đường kính rộng 38cm, hẹp 31cm, có trọng lượng 1,6kg, chiều dài chân váy 8m (chưa qua sử dụng);

- 01 chiếc váy vải lanh màu xám trắng, kiểu dáng váy dân tộc mông kích thước dài 63cm, đường kính rộng 40cm, hẹp 31cm, có trọng lượng 0,9kg, chiều dài chân váy 4,2m (chưa qua sử dụng);

(Chi tiết vật chứng được mô tả trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 02/8/2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án huyện Đ).

4. Án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

6. Về điều kiện thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đ;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- CQTHAHS Công an huyện Đ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Hồ sơ thahs;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm